CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX ***GELEX ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY*** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ----------
Số/No: 33 /2026/GE - CBTT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2026* *Hanoi, March 17, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh**

To: - ***State Securities Commission of Vietnam***
- ***Hochiminh Stock Exchange***

1. **Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Điện lực GELEX** (GELEX ELECTRIC)
Name of organization: GELEX Electricity Joint Stock Company
- Mã chứng khoán / *Stock code: GEE*
- Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address: No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 73012344 Fax: 024 36331510
- E-mail: ge@gelex-electric.com

2. **Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:***
GELEX ELECTRIC trân trọng công bố: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán và Văn bản giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính năm 2025 so với năm 2024.

GELEX ELECTRIC respectfully disclosure information: Audited Separate Financial Statements for the year 2025 and Explanation of fluctuations in Profit after tax on the financial statements for the year 2025 compared to the year 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/03/2026 tại đường dẫn: https://gelex-electric.com/doc-cat/bao-cao-tai-chinh?nam=173 .
This information was published on the company's website on 17/03/2026, as in the link: https://gelex-electric.com/en/document-cat/financial-reports?nam=208 .

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We commit that the information published above is true and take full legal responsibility for its content.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán /*Audited Separate Financial Statements for the year 2025.*
- Văn bản giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính năm 2025 so với năm 2024/ *Explanation of fluctuations in Profit after tax on the financial statements for the year 2025 compared to the year 2024*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
DN: C=VN, S=Thành phố Hà Nội, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107547109
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.17 17:29:51+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 13.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

GELEX ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Nguyễn Thị Quyên

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC GELEX
GELEX ELECTRICITY JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026
Hanoi, March 16th, 2026

Số/No: 29 /GE-TGĐ
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính năm 2025 so với năm 2024
Re: Explanation of fluctuations in Profit after tax on the financial statements for the year 2025 compared to the year 2024

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh/ *Hochiminh City Stock Exchange*

- *Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
  Pursuant to the Circular 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance on guidelines for disclosure of information on securities;
- *Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.*
  Pursuant to the financial performance for the 2025 of GELEX Electricity Joint Stock Company.

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX - mã chứng khoán GEE giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 so với cùng kỳ như sau:

GELEX Electricity Joint Stock Company - Stock Code GEE provides explanation of profit after tax fluctuations compared in the 2025 as follows:

STT *No.*	**Chỉ tiêu** **Items**	**ĐVT** *Currency*	**Báo cáo hợp nhất** *Consolidated financial statements*	**Báo cáo Riêng** *Separate financial statements*
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 *Profit after tax for 2025*	Tỷ đồng *VND billion*	3.417	3.254
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 *Profit after tax for 2024*	Tỷ đồng *VND billion*	1.715	854
3	Biến động so với cùng kỳ năm trước *Variances compared to the same previous period*	Tỷ đồng *VND billion*	1.702	2.400
4	Tỷ lệ biến động so với cùng kỳ năm trước *Variance percentage compared to the same previous period*	%	99,3%	281,1%

I. Báo cáo tài chính hợp nhất/ *Consolidated financial statements:*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 trên Báo cáo tài chính hợp nhất tăng 1.702 tỷ đồng (tương ứng tăng 99,3%) so với năm trước, do một số nguyên nhân chính sau:

The net profit after corporate income tax in 2025, as presented in the consolidated financial statements, increased by VND 1,702 billion (equivalent to a 99.3% increase) compared to the previous year, mainly due to the following key factors:

- Lợi nhuận gộp năm nay tăng 1.047 tỷ tương đương mức tăng 34,2% so với năm trước do doanh thu thuần tăng 4.333 tỷ đồng.

  Gross profit for the year increased by VND 1,047 billion equivalent to 34.2% compared to the previous year due to net revenue increased by VND 4,333 billion.

- Doanh thu hoạt động tài chính và Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết tăng lần lượt 1.171 tỷ đồng và 125 tỷ đồng so với năm trước.

  Financial income and share of profit from associates and joint ventures increased by VND 1,171 billion and VND 125 billion, respectively, compared to the previous year.

- Tổng chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp tăng 307 tỷ do chi phí tăng tương ứng với tăng trưởng doanh thu, tương đương mức tăng 35,4% so với tổng chi phí cùng kỳ.

  Total selling and administrative expenses increased by VND 307 billion, driven by higher cost in line with revenue growth, representing a 35.4% increase compared to total expense in the same period last year.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 407 tỷ đồng từ các nguyên nhân trên.

  As a result of the above factors, corporate income tax expense increased by VND 407 billion.

II. Báo cáo tài chính riêng/ *Separate financial statements:*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 trên Báo cáo tài chính riêng tăng 2.400 tỷ đồng (tương ứng tăng 281,1%) so với năm trước, do một số nguyên nhân chính sau:

The net profit after corporate income tax in 2025, as presented in the separate financial statements, increased by VND 2,400 billion (equivalent to a 281.1% increase) compared to the previous year, mainly due to the following key factors:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 2.703 tỷ đồng từ việc ghi nhận lãi bán khoản đầu tư do tiếp tục tái cấu trúc lại sở hữu vốn tại một số doanh nghiệp và cổ tức, lợi nhuận được chia tăng so với cùng kỳ;

  Financial income increased by VND 2,703 billion due to recognition of gains from the disposal of investments as the Company continued to restructure its equity ownership in certain enterprises, along with higher dividends and profits distributions compared to the same period last year..

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay là 258 tỷ đồng trong khi năm trước công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do còn các khoản chuyển lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm trước mang sang.

  Corporate income tax expense for the current year amounted to VND 258 billion, whereas no corporate income tax expense was incurred in the previous year due to the availability of tax loss carry forwards from prior years..

Trân trọng báo cáo./
Respectfully report.

Nơi nhận/ Recipients:
- Như trên/ *As above*;
- Lưu: VT, Ban TCKT/ Copy to: *Clerical Office, Finance & Accounting Department*

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Nguyễn Trọng Trung
Nguyen Trong Trung

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2025)
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Bà Lê Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2025)
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Đào Viết Đỉnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0107647109 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Deloitte.

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0614 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N:0100112500-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

Nguyễn Khương Duy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5063-2025-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**2.032.084.293.382**	**512.681.504.650**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**274.669.193.117**	**102.846.824.847**
1.	Tiền	111		44.669.193.117	102.846.824.847
2.	Các khoản tương đương tiền	112		230.000.000.000	-
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**1.750.626.072.903**	**396.788.917.799**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	39.349.048.605	187.627.309.118
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.740.549.226	37.500.000
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.669.556.849.314	200.000.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	31.607.086.161	9.751.569.084
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(627.460.403)	(627.460.403)
III.	**Hàng tồn kho**	**140**		**3.182.271.741**	**-**
1.	Hàng tồn kho	141	9	3.182.271.741	-
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**3.606.755.621**	**13.045.762.004**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.339.295.092	1.272.095.928
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	2.267.460.529	11.773.666.076
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**6.303.399.724.590**	**5.808.559.498.753**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**10.000.000**	**10.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	10.000.000	10.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**11.974.639.824**	**17.020.827.843**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.341.870.492	3.876.820.761
	- Nguyên giá	*222*		*9.490.539.932*	*9.312.451.969*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(7.148.669.440)*	*(5.435.631.208)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	12	9.632.769.332	13.144.007.082
	- Nguyên giá	*228*		*17.644.588.750*	*17.644.588.750*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(8.011.819.418)*	*(4.500.581.668)*
III.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**13**	**6.245.569.402.736**	**5.788.498.116.815**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		5.091.451.443.727	4.707.309.678.727
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.183.381.258.737	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.111.361.869.099
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.263.299.728)	(30.173.431.011)
IV.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**45.845.682.030**	**3.030.554.095**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	45.845.682.030	3.030.554.095
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**8.335.484.017.972**	**6.321.241.003.403**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.567.732.804.366**	**1.148.931.378.954**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**632.556.898.704**	**1.124.233.072.647**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	26.744.334.743	153.410.538.743
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	32.283.416.795	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	260.548.037.648	350.391.013
4.	Phải trả người lao động	314		3.910.761.298	2.192.636.775
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	12.118.277.479	376.335.351
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	17	283.388.900	318.446.308.987
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	296.360.640.680	649.086.520.617
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		308.041.161	370.341.161
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**935.175.905.662**	**24.698.306.307**
1.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	18	-	21.454.612.045
2.	Chi phí phải trả dài hạn	333	16	-	1.271.185.764
3.	Phải trả dài hạn khác	337	17	1.315.005.662	1.972.508.498
4.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	933.860.900.000	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**6.767.751.213.606**	**5.172.309.624.449**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**21**	**6.767.751.213.606**	**5.172.309.624.449**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.659.999.560.000	3.000.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*3.659.999.560.000*	*3.000.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		225.051.540.000	835.287.500.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.000.000	5.000.000.000
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.877.700.113.606	1.332.022.124.449
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*722.022.124.449*	*778.202.564.542*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*2.155.677.989.157*	*553.819.559.907*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**8.335.484.017.972**	**6.321.241.003.403**

Vũ Thủy Tiên	Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Trọng Trung
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	23	**990.272.465.832**	**1.365.944.919.705**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**		**990.272.465.832**	**1.365.944.919.705**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	979.210.242.687	1.349.390.574.698
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**11.062.223.145**	**16.554.345.007**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.669.397.022.773	965.988.573.740
6.	Chi phí tài chính	22	26	75.332.491.721	94.130.369.461
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*66.798.317.883*	*94.644.147.806*
7.	Chi phí bán hàng	25	27	5.873.813.196	4.831.841.304
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	85.383.760.166	29.782.557.603
9.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	**30**		**3.513.869.180.835**	**853.798.150.379**
10.	Thu nhập khác	31		164.597	21.416.754
11.	Chi phí khác	32		1.714.377.615	7.226
12.	**(Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(1.714.213.018)**	**21.409.528**
13.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**3.512.154.967.817**	**853.819.559.907**
14.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	258.477.110.660	-
15.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**3.253.677.857.157**	**853.819.559.907**

Vũ Thủy Tiên	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***3.512.154.967.817***	***853.819.559.907***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	02	2.951.593.813	2.541.734.407
	Các khoản dự phòng	03	(910.131.283)	(18.074.075.330)
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.334.232	1.989.160
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.668.539.195.975)	(963.352.039.591)
	Chi phí lãi vay	06	66.798.317.883	94.644.147.806
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(87.541.113.513)***	***(30.418.683.641)***
	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	141.363.712.995	(75.457.534.117)
	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.182.271.741)	130.807.200.558
	(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, lãi tiền vay phải trả)	11	(105.789.682.291)	(695.619.060.802)
	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(42.882.327.099)	4.119.973.403
	Tiền lãi vay đã trả	14	(76.789.807.766)	(85.189.051.911)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(62.300.000)	(68.800.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(174.883.789.415)***	***(751.825.956.510)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.969.498.631)	(4.723.950.000)
2.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.669.556.849.314)	(200.000.000.000)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000.000	405.000.000.000
4.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.611.330.444.737)	(60.945.868.400)
5.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.584.338.950.000	567.169.312.080
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.223.231.722.836	967.896.836.191
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***1.723.713.880.154***	***1.674.396.329.871***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	49.763.600.000	-
2.	Tiền thu từ đi vay	33	2.035.873.502.173	1.727.737.867.223
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.454.738.482.110)	(2.606.782.597.363)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.007.906.142.000)	(299.985.800.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(1.377.007.521.937)***	***(1.179.030.530.140)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**171.822.568.802**	**(256.460.156.779)**
	Tiền đầu năm	**60**	**102.846.824.847**	**359.308.639.737**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(200.532)	(1.658.111)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**274.669.193.117**	**102.846.824.847**

Vũ Thủy Tiên	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107547109 cấp lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 5 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán "GEE") được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 353/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và đã chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại HOSE tại ngày 14 tháng 8 năm 2024.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX ("GELEX").

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 19 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty") là:

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện bao gồm dây cáp điện; máy biến áp, động cơ điện; thiết bị điện bao gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-ampe, máy biến dòng; tủ điện và các sản phẩm khác và dịch vụ sửa chữa; và
- Mua bán, sản xuất và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

- **Nhận chuyển nhượng 15.236.643 cổ phần Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần ("EEMC") từ Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")**

Theo Nghị quyết số 34/2025/GE/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 5 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận phương án nhận chuyển nhượng cổ phần Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần ("EEMC") do THIBIDI sở hữu. Theo đó, ngày 27 tháng 5 năm 2025, Công ty đã thực hiện việc nhận chuyển nhượng 15.236.643 cổ phần của EEMC từ THIBIDI với giá trị 1.211 tỷ VND.

Như vậy, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty tại EEMC tăng từ 0% lên thành 46,9% vốn điều lệ và EEMC trở thành công ty liên kết trực tiếp của Công ty kể từ ngày này.

- **Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX") – công ty con của Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Phát điện GELEX sở hữu tại Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")**

Theo Nghị quyết số 43/2023/GE/NQ/HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Phát điện GELEX tại Phú Thạnh Mỹ. Tại ngày 10 tháng 12 năm 2025, Phát điện GELEX đã hoàn tất việc chuyển nhượng 73,16% phần vốn góp tại Phú Thạnh Mỹ cho Sembcorp Vietnam Pte.Ltd. theo Hợp đồng mua bán ngày 10 tháng 11 năm 2023 và các văn bản thỏa thuận bổ sung.

Theo đó, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty Phát điện GELEX tại Phú Thạnh Mỹ giảm từ 73,16% xuống còn 0% và Phú Thạnh Mỹ không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

- **Mua cổ phần chào bán tại Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE ('MEE")**

Công ty đã hoàn tất việc mua 14.654.750 cổ phần của MEE theo phương án cháo bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông của MEE phê duyệt.

Theo đó, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữu của Công ty tại MEE tăng từ 66,79% lên 80,84% kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2025.

- **Mua cổ phần chào bán tại Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("EMIC")**

Công ty đã hoàn tất việc mua 22.500.000 cổ phần của EMIC theo phương án cháo bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông của EMIC phê duyệt.

Theo đó, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại EMIC tăng từ 74,99% lên 90,00% kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2025.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết mà Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	97,09%	97,09%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Đồng Nai	98,07%	98,07%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh, sửa chữa thiết bị điện, máy biến áp
3.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("EMIC")	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
4.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc
5.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE ("MEE")	Hà Nội	80,84%	80,84%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
6.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM") (ii)	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
7.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX ("GETC") (iii)	Hà Nội	70,82%	70,82%	Mua bán và phân phối điện
8.	Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX") (iv)	Hà Nội	100%	100%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và phân phối điện
9.	Công ty TNHH GELEX Technology (*)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Phát triển sản phẩm công nghệ cao

(*) Theo Quyết định số 23/2025/GE/QĐ-HĐQT ngày 08 tháng 5 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định tham gia việc góp vốn thành lập Công ty con là Công ty TNHH GELEX Technology với số vốn góp cam kết 25.928.400.000 VND tương ứng với 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH GELEX Technology. Tại ngày 05 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn vào công ty con.

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần ("EEMC")	Hà Nội	47,00%	47,00%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai ("CADIVI Đồng Nai") (*)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc ("CADIVI Miền Bắc")	Bắc Ninh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

(*) Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Hợp đồng sáp nhập số 01/2025/HĐSN/CADIVI ngày 25 tháng 12 năm 2025. CADIVI Đồng Nai sẽ hoạt động dưới hình thức chi nhánh của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam – Nhà máy CADIVI Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2025 – mã số chi nhánh 0300381564-014.

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"):

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD ("SAS")	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ HEM ("HEM EMM")	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

(iii) Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX ("GETC"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX Hưng Yên	Hà Nội	72,86%	72,86%	Phân phối điện

(iv) Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX"):

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận")	Khánh Hòa (trước đây là Ninh Thuận)	20,00%	20,00%	Sản xuất và phân phối điện mặt trời

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và tuân thủ phương pháp hạch toán kế toán kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần từ thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình hình thành do mua sắm được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần từ thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí nội thất văn phòng, tiền thuê văn phòng, chi phí liên quan đến các khoản vay và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm thiết bị văn phòng đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí nội thất văn phòng bao gồm các đồ nội thất, trang thiết bị trang trí được phân bổ trong vòng 3 đến 5 năm sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tiền thuê văn phòng tại 52 Lê Đại Hành. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí liên quan đến các khoản vay thể hiện khoản phí bảo lãnh đã trả trước và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến khoản vay đã trả trước, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo lãnh.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm dịch vụ công nghệ thông tin trả trước và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, cho vay

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ bán các khoản đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giao dịch chuyển nhượng 10% phần vốn góp tại GELEX Quảng Trị đã được hoàn tất vào ngày 08 tháng 5 năm 2024. Theo điều khoản trong hợp đồng mua bán và các văn bản sửa đổi, các bên sẽ thực hiện quyết toán giá trị hợp đồng dựa trên sản lượng dài hạn của GELEX Quảng Trị được tư vấn đo đạc sau hai (02) năm kể từ ngày chuyển nhượng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, doanh thu tài chính từ việc chuyển nhượng được ghi nhận dựa trên giá chuyển nhượng tương ứng với sản lượng của GELEX Quảng Trị cho năm 2025. Sản lượng dự kiến sẽ được xem xét lại tại mỗi thời điểm lập báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa số tiền Công ty đã nhận thanh toán và doanh thu tài chính xác định được ghi nhận trên khoản mục Người mua trả tiền trước và sẽ được quyết toán theo thời hạn nêu trên.

Lãi từ các khoản đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản

chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	41.756.397	45.465.527
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.627.436.720	102.801.359.320
Các khoản tương đương tiền (*)	230.000.000.000	-
	274.669.193.117	**102.846.824.847**

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND kỳ hạn không quá 3 tháng với mức lãi suất 4,75%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	20.867.426.487	43.306.065.242
Công ty Cổ phần Thiết Bị Đo Điện EMIC	15.257.975.034	10.387.961.083
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.812.758.850	50.277.963.601
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	-	73.561.955.212
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.410.888.234	10.093.363.980
	39.349.048.605	**187.627.309.118**
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	36.908.829.352	63.159.929.902

Quyền thụ hưởng một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho một số khoản vay (Thuyết minh số 19).

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Đầu tư GELEX (*)	969.556.849.314	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (*)	700.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	200.000.000.000
	1.669.556.849.314	**200.000.000.000**
Trong đó:		
Phải thu về cho vay bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	1.669.556.849.314	200.000.000.000

(*) Phản ánh các khoản cho các công ty cùng Tập đoàn vay dưới hình thức vay tín chấp với thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi suất từ 5,5%/năm đến 6%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi cho vay	18.685.541.265	2.547.728.027
Phải thu tiền thuế GTGT nhập khẩu chờ hoàn	12.168.171.363	2.947.719.917
Tạm ứng	60.000.000	60.000.000
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	3.249.684.932
Các khoản phải thu khác	683.373.533	946.436.208
	31.607.086.161	**9.751.569.084**
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
	10.000.000	**10.000.000**
Trong đó:		
Phải thu khác ngắn hạn từ các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	19.368.914.798	2.520.547.944

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	3.182.271.741	-	-	-
	3.182.271.741	**-**	**-**	**-**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền thuê văn phòng	605.080.980	595.990.080
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	734.214.112	676.105.848
	1.339.295.092	**1.272.095.928**
b. Dài hạn		
Chi phí liên quan đến khoản vay	44.391.773.268	-
Chi phí nội thất văn phòng	1.280.317.990	2.876.738.618
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	111.351.076	45.947.209
Chi phí trả trước dài hạn khác	62.239.696	107.868.268
	45.845.682.030	**3.030.554.095**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	**173.522.250**	**6.223.440.250**	**2.915.489.469**	**9.312.451.969**
Tăng trong năm	-	-	178.087.963	178.087.963
Số dư cuối năm	**173.522.250**	**6.223.440.250**	**3.093.577.432**	**9.490.539.932**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	**106.123.917**	**4.094.715.120**	**1.234.792.171**	**5.435.631.208**
Khấu hao trong năm	31.795.000	1.084.620.062	596.623.170	1.713.038.232
Số dư cuối năm	**137.918.917**	**5.179.335.182**	**1.831.415.341**	**7.148.669.440**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**67.398.333**	**2.128.725.130**	**1.680.697.298**	**3.876.820.761**
Tại ngày cuối năm	**35.603.333**	**1.044.105.068**	**1.262.162.091**	**2.341.870.492**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 110.222.250 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 69.722.250 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**17.644.588.750**	**17.644.588.750**
Số dư cuối năm	**17.644.588.750**	**17.644.588.750**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**4.500.581.668**	**4.500.581.668**
Hao mòn trong năm	3.511.237.750	3.511.237.750
Số dư cuối năm	**8.011.819.418**	**8.011.819.418**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	**13.144.007.082**	**13.144.007.082**
Tại ngày cuối năm	**9.632.769.332**	**9.632.769.332**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 88.400.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 88.400.000 VND).

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	**5.091.451.443.727**	**(29.263.299.728)**		**4.707.309.678.727**	**(30.173.431.011)**	
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	1.635.051.441.670	-	(ii)	1.638.256.526.670	-	(ii)
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	985.139.460.770	-	(ii)	985.139.460.770	-	(ii)
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	332.061.707.611	-	(ii)	332.061.707.611	-	(ii)
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	327.355.950.000	-	(ii)	112.485.000.000	-	(ii)
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	355.644.952.503	-	(ii)	355.644.952.503	-	(ii)
Công ty TNHH Phát điện GELEX	882.715.444.864	-	(ii)	882.715.444.864	-	(ii)
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	492.219.086.309	-	(ii)	345.671.586.309	(16.413.502.370)	(ii)
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	55.335.000.000	(28.318.376.384)	(ii)	55.335.000.000	(13.759.928.641)	(ii)
Công ty TNHH GELEX Technology	25.928.400.000	(944.923.344)	(ii)	-	-	
Đầu tư vào công ty liên kết	**1.183.381.258.737**		**- 1.740.024.630.600**	**-**	**-**	**-**
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (i)	1.183.381.258.737		- 1.740.024.630.600	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	**-**	**-**		**1.111.361.869.099**	**-**	
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (iii)	-	-		1.111.361.869.099	-	(ii)
	6.274.832.702.464	**(29.263.299.728)**		**5.818.671.547.826**	**(30.173.431.011)**	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

(iii) Theo Nghị quyết số 49/2025/GE/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án thoái toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX do Công ty sở hữu. Theo đó, ngày 09 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 111.088.650 cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Như vậy, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX giảm từ 14,06% xuống 0% vốn điều lệ kể từ ngày này.

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("EMIC")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE ("MEE")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH GELEX Technology	Hoạt động kinh doanh lỗ	Chưa thành lập
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX ("GETC")	Hoạt động kinh doanh lỗ, tiếp tục triển khai dự án mới	Hoạt động kinh doanh lỗ, đang trong quá trình triển khai dự án

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 30.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hóa chất Minh Hóa	9.326.173.302	9.326.173.302	2.171.430.855	2.171.430.855
Công ty Cổ phần Ngô Han	6.060.517.902	6.060.517.902	15.847.299.144	15.847.299.144
GENERAL M (SINGAPORE) PTE LTD	3.185.405.441	3.185.405.441	2.025.443.612	2.025.443.612
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	1.794.631.261	1.794.631.261	122.929.420.444	122.929.420.444
Phải trả các đối tượng khác	6.377.606.837	6.377.606.837	10.436.944.688	10.436.944.688
	26.744.334.743	**26.744.334.743**	**153.410.538.743**	**153.410.538.743**
Trong đó:				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	1.794.631.261	1.794.631.261	123.026.332.084	123.026.332.084

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số được khấu trừ/phân loại lại trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	254.361.769	-	254.361.769	-
Thuế giá trị gia tăng	11.519.304.307	-	9.251.843.778	2.267.460.529
	11.773.666.076	**-**	**9.506.205.547**	**2.267.460.529**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	185.607.946	24.698.710.152	22.676.124.537	2.208.193.561
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	267.621.159	267.621.159	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	258.222.748.891	-	258.222.748.891
Thuế thu nhập cá nhân	164.783.067	9.776.850.248	9.824.538.119	117.095.196
Các loại thuế khác	-	7.215.344.317	7.215.344.317	-
	350.391.013	**300.181.274.767**	**39.983.628.132**	**260.548.037.648**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	8.308.781.552	123.312.226
Khác	3.809.495.927	253.023.125
	12.118.277.479	**376.335.351**
b. Dài hạn		
Các khoản khác	-	1.271.185.764
	-	**1.271.185.764**

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	252.086.000	300.158.360.000
Chi phí lãi vay	-	18.176.959.209
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.302.900	110.989.778
	283.388.900	**318.446.308.987**
b. Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.315.005.662	1.972.508.498
	1.315.005.662	**1.972.508.498**
Trong đó:		
Phải trả khác ngắn hạncho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	1.315.005.662	282.408.519.454

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	10.828.804.750	-
Sembcorp Solar Vietnam Pte.Ltd.	21.454.612.045	-
	32.283.416.795	**-**
b. Dài hạn		
Sembcorp Solar Vietnam Pte.Ltd.	-	21.454.612.045
	-	**21.454.612.045**

19. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		VND		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng (i)	209.086.520.617	209.086.520.617	563.603.902.173	609.738.482.110	162.951.940.680	162.951.940.680
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	440.000.000.000	440.000.000.000	405.000.000.000	845.000.000.000	-	-
	649.086.520.617	**649.086.520.617**	**968.603.902.173**	**1.454.738.482.110**	**162.951.940.680**	**162.951.940.680**
Vay dài hạn đến hạn trả						
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	-	-	133.408.700.000	-	133.408.700.000	133.408.700.000
	-	**-**	**133.408.700.000**	**-**	**133.408.700.000**	**133.408.700.000**
	649.086.520.617	**649.086.520.617**	**1.102.012.602.173**	**1.454.738.482.110**	**296.360.640.680**	**296.360.640.680**

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam TCB - Hội Sở	105.885.109.819	94.773.804.580	Kỳ hạn vay 175 ngày. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 03 năm 2026	4,60%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	52.995.476.727	70.136.666.233	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả theo tháng, tính tròn tháng từ ngày giải ngân theo từng khế ước vay. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 11 tháng 05 năm 2026	4,50%-5,40%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Thế chấp quyền đòi nợ các khoản phải thu hình thành do HSBC tài trợ.
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	4.071.354.134	6.848.519.652	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả cuối kỳ. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 04 tháng 05 năm 2026	4,70%-6,25%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Thế chấp quyền đòi nợ các khoản phải thu hình thành do BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội tài trợ.

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm		
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	-	27.297.843.573				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	-	10.029.686.579				
	162.951.940.680	**209.086.520.617**				

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	-	-	1.067.269.600.000	133.408.700.000	933.860.900.000	933.860.900.000
	-	**-**	**1.067.269.600.000**	**133.408.700.000**	**933.860.900.000**	**933.860.900.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng:

Đại diện bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
	VND	VND		%/năm		
Ngân hàng TNHH Hongkong và Thượng Hải - Chi nhánh Singapore	1.067.269.600.000	-	Kỳ hạn vay 05 năm. Lãi vay trả 6 tháng/lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 4 năm 2030.	6,45%	Mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh thông qua việc mua cổ phần Tổng công ty Thiết bị Điện Đông Anh - CTCP ("EEMC")	45.000.000 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực GELEX thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và 30.000.000 Cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera – CTCP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phản ánh khoản vay trung và dài hạn bằng USD được đại diện bởi Ngân hàng Hongkong và Thượng Hải – Chi nhánh Singapore theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 4 năm 2025 với giá trị 41,120 triệu USD, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký kết thỏa thuận vay, nợ gốc được thanh toán 06 tháng/lần trong 08 kỳ thanh toán với số tiền 5.140.000 USD/kỳ, kỳ thanh toán đầu tiên vào tháng 10 năm 2026, lãi suất vay Term SOFR 6 tháng + 1,45%/năm, lãi được trả hằng năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên. Đồng thời, Công ty đã ký hợp đồng để hoán đổi tỷ giá và lãi suất hai đồng tiền với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank") cho hợp đồng vay này.

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	133.408.700.000	-
Trong năm thứ hai	266.817.400.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	667.043.500.000	-
	1.067.269.600.000	**-**

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**3.000.000.000.000**	**835.287.500.000**	**5.000.000.000**	**1.078.202.564.542**	**4.918.490.064.542**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	853.819.559.907	853.819.559.907
Chia cổ tức	-	-	-	(600.000.000.000)	(600.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	**3.000.000.000.000**	**835.287.500.000**	**5.000.000.000**	**1.332.022.124.449**	**5.172.309.624.449**
Số dư đầu năm nay	**3.000.000.000.000**	**835.287.500.000**	**5.000.000.000**	**1.332.022.124.449**	**5.172.309.624.449**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.253.677.857.157	3.253.677.857.157
Tăng vốn trong năm (i)	659.999.560.000	(610.235.960.000)	-	-	49.763.600.000
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(1.707.999.868.000)	(1.707.999.868.000)
Số dư cuối năm nay	**3.659.999.560.000**	**225.051.540.000**	**5.000.000.000**	**2.877.700.113.606**	**6.767.751.213.606**

(i) Tăng vốn trong năm:

- Theo Nghị quyết số 06/2025/GE/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động ("Chương trình ESOP 2024"). Tại ngày 06 tháng 3 năm 2025, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu tương đương với 50 tỷ VND vốn điều lệ tăng thêm.

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 15/2025/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tại ngày 29 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 60.999.956 cổ phiếu tương đương với 609.999.560.000 VND vốn điều lệ tăng thêm.

(ii) Cổ tức công bố trong năm:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 18/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức còn lại năm 2024 với tỷ lệ 20% mệnh giá.

- Theo Nghị quyết số 50/2025/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 8 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 với tỷ lệ 30% mệnh giá.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	365.999.956	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*365.999.956*	*300.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	365.999.956	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*365.999.956*	*300.000.000*
Trong đó:		
Số lượng cổ phiếu phát hành trong năm	*65.999.956*	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 ngày 22 tháng 5 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 3.659.999.560.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.779.947.200.000	75,96%	2.399.956.000.000	80,00%
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	178.700.000.000	4,88%	150.000.000.000	5,00%
Các cổ đông khác	701.352.360.000	19,16%	450.044.000.000	15,00%
	3.659.999.560.000	**100%**	**3.000.000.000.000**	**100%**

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	1.359,86	1.929,05

Tài sản thuê ngoài:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 năm đến 2 năm	2.721.395.880	1.132.580.160
	2.721.395.880	**1.132.580.160**

Cam kết về bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã bảo lãnh cho một số hợp đồng tín dụng ngắn hạn/trung hạn, dài hạn của Công ty Dây đồng Việt Nam CFT, Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC, Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE, và Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX - các công ty con của Công ty.

Số dư theo hợp đồng tín dụng, bảo lãnh của các công ty trên được Công ty bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 750,7 tỷ VND; 95,99 tỷ VND; 135,95 tỷ VND và 23,52 tỷ VND.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	990.272.465.832	1.365.773.919.705
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	171.000.000
	990.272.465.832	**1.365.944.919.705**
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	435.651.858.286	660.635.792.860

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	979.210.242.687	1.349.390.574.698
	979.210.242.687	**1.349.390.574.698**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.162.465.361.450	942.286.663.583
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	33.096.753.624	22.913.738.507
Lãi chênh lệch tỷ giá	857.826.798	2.636.534.149
Lãi bán các khoản đầu tư	1.472.977.080.901	(1.848.362.499)
	3.669.397.022.773	**965.988.573.740**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	66.798.317.883	94.644.147.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá	89.418.875	5.642.136.422
Các chi phí liên quan đến khoản vay	7.365.651.180	2.869.820.787
(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(910.131.283)	(18.074.075.330)
Chi phí tài chính khác	1.989.235.066	9.048.339.776
	75.332.491.721	**94.130.369.461**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.434.485.410	1.895.686.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.988.076.443	2.309.732.278
Chi phí khác bằng tiền	451.251.343	626.422.685
	5.873.813.196	**4.831.841.304**
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	14.994.125.154	11.704.067.422
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.951.593.813	2.541.734.407
Chi phí nguyên vật liệu	34.727.478	29.980.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.755.033.746	6.588.996.191
Chi phí khác bằng tiền	56.648.279.975	8.917.779.374
	85.383.760.166	**29.782.557.603**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	16.428.610.564	13.599.753.763
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.951.593.813	2.541.734.407
Chi phí nguyên vật liệu	34.727.478	29.980.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.743.110.189	8.898.728.469
Chi phí khác bằng tiền	57.099.531.318	9.544.202.059
	91.257.573.362	**34.614.398.907**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**3.512.154.967.817**	**853.819.559.907**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**(2.219.769.414.517)**	**(905.042.075.520)**
Cộng các khoản điều chỉnh tăng:	61.335.816.758	37.257.480.655
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm nay	*200.532*	*1.658.811*
- Chi phí khấu hao xe ô tô không được trừ	*690.282.730*	*644.620.063*
- Thu nhập HĐQT không điều hành và ban kiểm soát	*2.197.000.000*	*2.170.000.000*
- Điều chỉnh ước tính giá phí chuyển nhượng khoản đầu tư	*1.957.733.349*	*28.929.153.082*
- Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính thuế	*1.714.377.615*	-
- Các chi phí không được trừ khác	*54.776.222.532*	*5.512.048.699*
Trừ các khoản điều chỉnh giảm:	2.281.105.231.275	942.299.556.175
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*2.162.465.361.450*	*942.286.663.583*
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	*1.658.811*	*12.892.592*
Lỗ các năm trước chuyển sang	118.638.211.014	-
(Lỗ) tính thuế	-	(51.222.515.613)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**258.477.110.660**	**-**

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các doanh nghiệp đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con
Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	Công ty con
Công ty TNHH GELEX Technology	Công ty con
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con gián tiếp đến ngày 10 tháng 12 năm 2025
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Cổ đông /Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần	Công ty liên kết
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ HEM	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội	Công ty liên kết gián tiếp

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**435.651.858.286**	**660.635.792.860**
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	216.626.115.428	26.212.229.413
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	144.929.219.458	113.334.805.319
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	74.096.523.400	40.578.034.248
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	-	252.587.512.463
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	192.112.877.982
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ HEM	-	31.501.301.299
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	-	4.105.865.581
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	126.181.931
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	45.000.000
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	-	9.000.000
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	-	22.984.624
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	**544.810.053.678**	**703.529.518.989**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	541.819.795.938	698.306.658.120
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.699.470.740	4.756.554.564
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	290.787.000	89.733.000
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	-	376.573.305

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi hộ chi phí	**6.804.519.211**	**3.848.814.089**
Công ty TNHH GELEX Technology	1.959.774.038	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.674.547.467	1.026.953.889
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	1.107.834.363	962.978.864
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	1.047.948.687	1.027.441.898
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	659.748.252	486.375.697
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	253.529.647	130.505.840
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	34.818.735	30.503.131
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	23.212.490	20.335.420
Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	17.409.373	15.251.565
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	14.089.903	15.251.565
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	5.803.128	5.083.855
Công ty TNHH Phát điện GELEX	5.803.128	5.083.855
Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội	-	11.071.170
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ HEM	-	111.977.340
Thu hộ chi phí truyền thông	**5.000.000.000**	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	5.000.000.000	-
Cho vay	**1.779.556.849.314**	**410.000.000.000**
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	1.062.556.849.314	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	700.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	17.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	210.000.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	200.000.000.000
Đi vay	**405.000.000.000**	**810.000.000.000**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	100.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	55.000.000.000	160.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	50.000.000.000	230.000.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	20.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay	**310.000.000.000**	**615.000.000.000**
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	200.000.000.000	30.000.000.000
CÔNG TY TNHH Đầu tư GELEX	93.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	17.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	360.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	225.000.000.000
Trả gốc vay	**845.000.000.000**	**490.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	290.000.000.000	210.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	185.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	170.000.000.000	180.000.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	20.000.000.000
Lãi cho vay	**31.535.541.263**	**20.016.027.394**
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	17.816.363.181	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	13.426.027.398	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	246.575.342	5.235.068.491
Công ty TNHH Phát điện GELEX	46.575.342	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	11.619.178.081
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	3.161.780.822

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi đi vay	**13.182.328.763**	**24.611.369.857**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	4.589.178.082	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	4.146.575.342	17.644.520.546
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	3.245.205.480	3.527.123.286
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	1.201.369.859	3.153.972.600
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	285.753.425
Cổ tức đã công bố	**1.469.975.360.000**	**525.741.200.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.343.975.360.000	479.991.200.000
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	84.000.000.000	30.750.000.000
Công ty Cổ phần GVI	42.000.000.000	15.000.000.000
Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	**-**	**416.889.937.471**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	416.889.937.471
Nhận chuyển nhượng cổ phần	**1.211.313.118.500**	**-**
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	1.211.313.118.500	-
Góp vốn/ Mua cổ phần chào bán	**397.475.900.000**	**35.190.000.000**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	225.000.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	146.547.500.000	-
CÔNG TY TNHH GELEX Technology	25.928.400.000	-
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	-	35.190.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**2.206.272.782.450**	**945.860.749.000**
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	1.339.629.720.000	445.083.984.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	526.444.842.000	71.787.933.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	182.232.900.000	112.485.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	89.054.748.000	59.369.832.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	38.437.286.450	257.134.000.000
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần	30.473.286.000	-
Điều chỉnh giảm giá trị khoản đầu tư	**-**	**(3.638.125.063)**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	(3.638.125.063)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	2.042.000.000	1.960.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	3.297.119.565	3.729.414.286
Thù lao Ban kiểm soát (iii)	240.000.000	240.000.000
	5.579.119.565	**5.929.414.286**

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao	**Chức vụ**	**720.000.000**	**720.000.000**
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT từ ngày 25 tháng 3 năm 2025	210.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT đến ngày 25 tháng 3 năm 2025	60.000.000	240.000.000
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên HĐQT	120.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 3 năm 2025	90.000.000	30.000.000
Lương và các khoản thu nhập khác		**1.322.000.000**	**1.240.000.000**
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT từ ngày 25 tháng 3 năm 2025	23.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT đến ngày 25 tháng 3 năm 2025	-	20.000.000
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	863.000.000	860.000.000
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	413.000.000	320.000.000
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên HĐQT	23.000.000	20.000.000
Tổng cộng		**2.042.000.000**	**1.960.000.000**

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Lương và thu nhập khác	**Chức vụ**		
Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc	2.034.000.000	2.002.000.000
Các thành viên quản lý khác		1.263.119.565	1.727.414.286
		3.297.119.565	**3.729.414.286**

(iii) Thù lao của từng thành viên trong Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao	**Chức vụ**		
Ông Đào Viết Đỉnh	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
		240.000.000	**240.000.000**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**36.908.829.352**	**63.159.929.902**
Công ty Cổ phần sản xuất máy biến áp truyền tải MEE	20.867.426.487	43.306.065.242
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	15.257.975.034	10.387.961.083
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	783.427.831	983.072.592
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ HEM	-	8.467.456.695
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	-	15.374.290
Trả trước người bán ngắn hạn	**10.720.556.482**	**-**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	10.720.556.482	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**1.669.556.849.314**	**200.000.000.000**
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	969.556.849.314	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	700.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	200.000.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	**19.368.914.798**	**2.520.547.944**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	13.426.027.398	-
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	5.259.513.867	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	431.531.027	-
Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam	251.842.506	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	2.520.547.944
Phải trả người bán ngắn hạn	**1.794.631.261**	**123.026.332.084**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	1.794.631.261	122.929.420.444
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	-	96.911.640
Phải trả khác ngắn hạn	**-**	**280.436.010.956**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	257.640.120.546
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần GVI	-	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	260.273.972
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	35.616.438
Phải trả khác dài hạn	**1.315.005.662**	**1.972.508.498**
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	1.315.005.662	1.972.508.498
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**-**	**440.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	190.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	-	130.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	120.000.000.000

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01/2026/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc điều chỉnh Kế hoạch cổ tức năm 2025 của Công ty từ 40% chi trả bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu thành 55% chi bằng tiền mặt.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/2026/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2026, Công ty đã Công bố việc tạm ứng cổ tức Đợt 2 năm 2025 với tỷ lệ 25% mệnh giá cổ phần, ngày lập danh sách là ngày 20 tháng 3 năm 2026, ngày thanh toán cổ tức ngày 08 tháng 4 năm 2026.

Vũ Thủy Tiên	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 16 tháng 3 năm 2026